

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
- Ông Trần Đình Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Bà Phạm Thị Kim L làm chung với ông Phan Văn C. Sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, bà L và ông C tự nguyện đăng ký được Ủy ban nhân dân Phường F (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156/2005 ngày 06/9/2005, và tự nguyện sống chung với nhau.

Bà L biết ông C sử dụng ma túy từ ngày bà sinh con. Đến năm 2014 thì ông C còn đánh bài, chơi đề, nhiều người đến đòi nợ. Quá trình chung sống, ông C

thường xuyên lấy dao lớn tiếng hăm dọa đòi đánh, đòi giết bà L. Nhưng bà L không báo chính quyền địa phương vì sợ ông C đánh. Bà L đã nhiều lần bỏ qua để nuôi con. Đến nay đã nhiều năm, ông C vẫn không thay đổi tính tình, toàn bộ chi phí sinh hoạt, cuộc sống gia đình đều do một tay bà L lo liệu. Ngày 05/5/2023, bà L có lên Tòa để làm việc, tại Tòa án ông C vừa thấy bà L thì đã lập tức đánh bà L. Ngày 08/6/2023, trên đường đến Tòa ông C gặp bà cũng định đánh, nhưng bà L có người thân đi cùng nên ông C không đánh được. Đồng thời, ông C có nhắn tin đe dọa, gặp bà L ở đâu thì đánh ở đó, lột đồ làm xấu mặt bà L.

Nay vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không còn hợp nhau. Bà L và ông C đã sống ly thân từ năm 2020, cả hai không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống luôn căng thẳng, bà L yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Phạm Thị Kim L và ông Phan Văn C một con chung là Phan Phạm Lập T, sinh ngày 15/8/2005

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu nuôi con. Vì con cũng đã lớn, cháu hiện đang phụ bếp tại siêu thị G tại thành phố B, có thu nhập và bà L hiện đang làm việc tự do ai thuê gì làm đó, phụ hồ, phụ quán ăn. Ông C yêu cầu nuôi cháu Phan Phạm Lập T, bà L đồng ý giao cháu T cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi con, bà L sẽ hỗ trợ cho cháu tùy khả năng, hoàn cảnh.

Về tài sản chung: Khi bán nhà ở Vũng Tàu được 530.000.000 đồng, ông C đã lấy 100.000.000 đồng để trả nợ riêng của ông C, không chăm lo cho gia đình. Ông C trình bày, ông C có đưa bà L 100.000.000 đồng là không đúng, ông C đưa bà L 70.000.000 đồng và bà L đã dùng tiền này để làm nhà ở hiện nay. Nhưng nhà này ông C đang ở nên ông C phải đưa lại cho bà 100.000.000 đồng để bà có tiền trả nợ. Trong vụ án này về tài sản chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Số tiền 100.000.000 đồng bà vừa nêu bà L sẽ tự giải quyết với ông C, nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản chung bà L sẽ có đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Quá trình làm nhà ở xã C, bà L có đi vay những người hàng xóm gồm bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H và ngân hàng C không rõ số tiền còn nợ. Căn nhà hiện ông C và cháu T đang ở, nên khoản nợ này ông C phải có trách nhiệm trả cùng bà. Hiện bà L vẫn đang trả lãi cho họ, ông C không cùng bà L trả nợ. Về nghĩa vụ trả nợ hai bên sẽ tự giải quyết, bà Phạm Thị Kim L cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông C, không yêu cầu triệu tập những người này. Nếu có tranh chấp nghĩa vụ tài sản, bà L sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn C trình bày:

Ông Phan Văn C, bà Phạm Thị Kim L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156/2005 ngày 06/9/2005.

Trong thời gian chung sống, bà L đi làm hồ, ăn chơi, mượn nợ khắp nơi không có khả năng trả nợ. Bà L chờ ông C đi làm vắng nhà rồi kéo bạn bè tới ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình và gây chướng mắt cho hàng xóm. Ông C thương vợ con, phải đi làm mượn nợ trả cho bà L hết lần này đến lần khác. Sau đó, bà L kêu bán nhà ở thành phố V lên thị xã P mua đất xây nhà ở. Tại đây, bà L cũng gây nợ, ông C cũng đứng ra trả nợ. Hiện bà L mượn nợ khắp nơi từ cai thầu nơi bà L làm việc, đến những người hàng xóm xung quanh. Năm 2020, bà L vỡ nợ, mất khả năng trả nợ, bà L bỏ trốn, để một mình ông C trả nợ thay cho bà L.

Nhà bên Vũng Tàu, do bà con họ hàng ông C thấy vợ chồng khó khăn nên quyên góp mỗi người ít tiền để xây nhà, bà L không có đồng nào. Bà L kêu ông bán nhà được 530.000.000 đồng, bà L lấy 170.000.000 đồng trả nợ riêng. Qua xã C mua đất xây nhà là tiền bán căn nhà ở thành phố V. Lúc làm nhà mới bà L cũng không phụ ông xây nhà, một mình ông phụ để thợ xây. Bà L nói ông mượn tiền thêm để xây nhà và ông lấy tiền của mẹ ông lúc mẹ ông mất để lại là 100.000.000 đồng và mượn thêm 50.000.000.000 đồng của bà T1 (không nhớ họ tên cụ thể) đưa bà L. Bà L không trả nợ mà đi lừa mượn thêm nhiều người khác, nay không trả được bà L bỏ trốn. Tổng số tiền là 150.000.000 đồng, ông C trình bày ở đây để bà L biết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ lúc kết hôn đến nay, bà L không làm tròn bổn phận người mẹ, người vợ trong gia đình, chỉ biết ăn chơi gây nợ để ông C phải trả. Bà L yêu cầu ly hôn để được tự do, để lại mọi hậu quả ông C gánh vác một mình, nên ông C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông Phan Văn C và bà Phạm Thị Kim L một con chung là Phan Phạm Lập T, sinh ngày 15/8/2005. Cháu T do ông C chăm sóc từ khi bà L bỏ đi, không hề có trách nhiệm với con. Hiện con đang ở với ông C. Cháu đã tự lập, không cần bà L chăm sóc. Ông C không giao con cho bà L nuôi dưỡng, ông C nuôi con cháu T không cần bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C và bà L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu triệu tập các chủ nợ tham gia vụ án. Yêu cầu bà L quay về gặp các chủ nợ để giải quyết nợ, để chủ nợ không làm phiền đến cuộc sống của ông C. Tại phiên tòa hôm nay, ông đã thông báo cho các chủ nợ biết, nhưng họ không tham gia phiên tòa.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông C. Giao con chung cho ông C nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng cho con tùy hoàn cảnh cụ thể.

Bị đơn ông Phan Văn C không đồng ý ly hôn do bà L chưa trả hết nợ.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới,

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy ông C và bà L tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Giao con chung cho ông C nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L ly hôn, tranh chấp nuôi con bị đơn ông Phan Văn C chỉ: xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Phạm Thị Kim L cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con bị đơn ông Phan Văn C

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Kim L và ông Phan Văn C cả hai tự nguyện sống chung với nhau, có thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân Phường F (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156/2005 ngày 06/9/2005 nên hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim L và Phan Văn C hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông C thì thấy: Bà L cho rằng, ông C đòi đánh, đòi giết bà, không chăm lo cho gia đình, một tay bà quán xuyến gia đình. Ông C cho rằng từ lúc kết hôn, bà L không làm tròn bổn phận người mẹ, người vợ trong gia đình, chỉ biết ăn chơi gây nợ. Ông C không đồng ý ly hôn vì cho rằng sau ly hôn ông C phải gánh vác nghĩa vụ trả nợ một mình thay bà L, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ly hôn của bà L là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của bà L, hoặc bà L lợi dụng việc ly hôn nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản vợ chồng, nên không có cơ sở xem xét.

Xét thấy, các bên đương sự trình bày không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng. Ngày 05/5/2023, tại Tòa án ông C có hành vi đánh bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, ông C và bà L không còn tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông C không đồng ý ly hôn vì bà L chưa trả hết nợ là không có cơ sở xem xét.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Kim L1 Phan Văn C thừa nhận vợ chồng có một con chung là Phan Phạm Lập T, sinh ngày 15/8/2005 là phù hợp với giấy khai sinh của cháu.

Theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị Kim L trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông C cấp Dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà L đồng ý giao con cho ông C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu khởi kiện của bà L về con chung, cấp dưỡng nuôi con.

Đối với ông C, ly hôn ông C có nguyện vọng nuôi con cháu T, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu T từ ngày 15/8/2023 cháu đủ 18 tuổi, hiện cháu đang phụ bếp cho quán lẩu, cháu có thu nhập và cháu muốn tự lập, không muốn sống chung với ba mẹ. Căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho ông C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà L cho rằng căn nhà ông C đang ở tại xã C là tài sản chung vợ chồng, ông C phải đưa cho bà 100.000.000 đồng để bà có tiền trả nợ. Các khoản nợ hiện nay ông C phải có trách nhiệm trả cùng bà, bà L vẫn đang trả gốc và lãi một mình.

Ông C cho rằng bà L không có đóng góp gì, tài sản chung vợ chồng không có, nợ chung không có. Quá trình chung sống, ông có mượn tiền và lấy tiền mẹ ông để lại cho con cháu là 100.000.000 đồng đưa bà L, bà L không trả nợ mà còn đi lừa mượn thêm nhiều người khác rồi bỏ trốn.

Xét thấy, về quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng khi ly hôn các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đương sự không yêu cầu triệu tập các chủ nợ tham gia tố tụng vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung hoặc quyền, nghĩa vụ tài sản khác của bà L, ông C trong vụ án. Căn cứ Điều 27, 37, 45 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình, quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn. Các bên được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Phan Văn C

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim L nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim L ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Phan Văn C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim L hôn với ông Phan Văn C
2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung cháu Phan Phạm Lập T, sinh ngày 15/8/2005 cho ông Phan Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Kim L1 Phan Văn C8 yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007002 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Phạm Thị Kim L nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2023), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- UBND P.S (nay P.T),
TP. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Việt Hà